

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN**  
**TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Đồng Nai, ngày      tháng      năm 2019*

**PHỤ LỤC 6**

**Sửa đổi một số nội dung Huyện Xuân Lộc tại Phụ lục 2**  
**đính kèm theo Nghị quyết số 40/2016/NQ-HĐND ngày 09/12/2016 của HĐND tỉnh**  
**(kèm theo Nghị quyết số      /2019/NQ-HĐND ngày      /12/2019 của HĐND tỉnh)**

| Stt | Tên đường                     | Điểm đầu          | Điểm cuối               | Quy hoạch đến năm 2030 |               |            |     |            |                    |             |             |                                      |             |             |                                      |  |       |
|-----|-------------------------------|-------------------|-------------------------|------------------------|---------------|------------|-----|------------|--------------------|-------------|-------------|--------------------------------------|-------------|-------------|--------------------------------------|--|-------|
|     |                               |                   |                         | Dài<br>(km)            | C.rộng<br>(m) |            | Cấp | Lộ<br>giới | Đến 2020           |             | 2021 – 2025 |                                      |             | 2026 – 2030 |                                      |  |       |
|     |                               |                   |                         |                        |               |            |     |            | Khối lượng<br>(km) |             | K.phí       | Khối lượng<br>(km)                   |             | K.phí       | Khối lượng<br>(km)                   |  | K.phí |
|     |                               |                   |                         |                        | Nâng<br>cấp   | Làm<br>mới |     |            | tỷ<br>đồng         | Nâng<br>cấp | Làm<br>mới  | tỷ<br>đồng                           | Nâng<br>cấp | Làm<br>mới  | tỷ<br>đồng                           |  |       |
| A   | Hệ thống đường huyện hiện hữu |                   |                         |                        |               |            |     |            |                    |             |             |                                      |             |             |                                      |  |       |
| 3   | Đ. Lang Minh - Xuân Đông      | ĐT.765            | Đ. Xuân Đông - Xuân Tâm | 5,2                    | 7,0           | 9,0        | IV  | 32         | Duy tu bảo dưỡng   |             |             | Duy tu bảo dưỡng                     |             |             | Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV |  |       |
|     | Đoạn hiện hữu                 | ĐT.765            | Ranh xã Xuân Đông       |                        | 7,0           | 9,0        | IV  | 32         |                    |             | 0,0         |                                      |             | 0,0         | Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV |  |       |
|     | Đoạn mở mới                   | Ranh xã Xuân Đông | Đ. Xuân Đông - Xuân Tâm |                        | 7,0           | 9,0        | IV  | 32         |                    |             | 0,0         |                                      |             | 0,0         | Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV |  |       |
| 6   | Đ. Xuân Hưng - Xuân Tâm       | QL.1              | Đ. Xuân Tâm - Trảng Táo | 13,9                   | 7,0           | 9,0        | IV  | 32         | Duy tu bảo dưỡng   |             |             | Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV |             |             | Duy tu bảo dưỡng                     |  |       |
|     | Đoạn hiện hữu                 | QL.1              | Cầu áp 3                |                        | 7,0           | 9,0        | IV  | 32         |                    |             |             | Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV |             |             |                                      |  |       |

| Stt | Tên đường                    | Điểm đầu                  | Điểm cuối                       | Quy hoạch đến năm 2030 |               |      |     |            |                                       |            |            |                                      |            |            |                    |            |            |
|-----|------------------------------|---------------------------|---------------------------------|------------------------|---------------|------|-----|------------|---------------------------------------|------------|------------|--------------------------------------|------------|------------|--------------------|------------|------------|
|     |                              |                           |                                 | Dài<br>(km)            | C.rộng<br>(m) |      | Cấp | Lộ<br>giới | Đến 2020                              |            |            | 2021 – 2025                          |            |            | 2026 – 2030        |            |            |
|     |                              |                           |                                 |                        | Mặt           | Nền  |     |            | Khối lượng<br>(km)                    |            | K.phí      | Khối lượng<br>(km)                   |            | K.phí      | Khối lượng<br>(km) |            | K.phí      |
|     |                              |                           |                                 |                        |               |      |     |            | Nâng<br>cấp                           | Làm<br>mới | tỷ<br>đồng | Nâng<br>cấp                          | Làm<br>mới | tỷ<br>đồng | Nâng<br>cấp        | Làm<br>mới | tỷ<br>đồng |
|     | Đoạn mở mới                  | Cầu áp 3                  | Đ. Xuân Tâm - Trảng Táo         |                        | 7,0           | 9,0  | IV  | 32         |                                       |            |            | Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV |            |            |                    |            |            |
| 12  | Đ. vào Núi Chứa Chan         | ĐT.766                    | Núi Chứa Chan                   | 3,7                    | 9,0           | 12,0 | III | 45         | Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp III |            |            | Duy tu bảo dưỡng                     |            |            | Duy tu bảo dưỡng   |            |            |
|     | Đoạn từ km3+187 đến km3+587  | Theo quy hoạch riêng      |                                 |                        | 16,0          | 26,0 | ĐĐT | 26         |                                       |            |            |                                      |            |            |                    |            |            |
| 13  | Đ. Bảo Hòa - Long Khánh      | QL.1                      | Cầu Suối Rết                    | 2,3                    | Đường đô thị  |      |     | 45         | Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường đô thị  |            |            | Duy tu bảo dưỡng                     |            |            | Duy tu bảo dưỡng   |            |            |
| 14  | Đ. Quanh núi Chứa Chan       | Đ. vào núi Chứa Chan      | Km2+846<br>Đ. vào núi Chứa Chan | 18,6                   |               |      |     |            |                                       |            |            |                                      |            | 0,0        |                    |            | 0,0        |
|     | Đoạn hiện hữu                | Đ. vào núi Chứa Chan      | Ranh Xuân Hiệp - Suối Cát       | 4,9                    | 7,0           | 9,0  | IV  | 32         | Duy tu bảo dưỡng                      |            |            | Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV |            |            | Duy tu bảo dưỡng   |            |            |
|     | Đoạn mở mới                  | Ranh Xuân Hiệp - Suối Cát | Km2+846<br>Đ. vào núi Chứa Chan | 13,7                   | 7,0           | 9,0  | IV  | 32         |                                       |            | 0,0        | Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV |            |            | Duy tu bảo dưỡng   |            |            |
| B   | Hệ thống đường huyện dự kiến |                           |                                 |                        |               |      |     |            |                                       |            |            |                                      |            |            |                    |            |            |
| 1   | Đ. Xuân Thành - Trảng Táo    | ĐT.766                    | Đ. Tân Liễu - Trảng Táo         | 8,0                    | 7,0           | 9,0  | IV  | 32         |                                       |            | 0,0        | Nâng cấp đạt tiêu chuẩn đường cấp IV |            |            | Duy tu bảo dưỡng   |            |            |